

Phụ lục I

BIỂU THEO DỜI TIẾN ĐỘ CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT
TRƯỜNG HỢP HỒ SƠ ĐƯỢC LẬP ĐẢM BẢO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
(Kèm theo Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh)

STT	Các hoạt động cơ bản trong lựa chọn nhà đầu tư	Thời gian thực hiện (theo kế hoạch)		Thời gian thực hiện (theo thực tế)		Số ngày chênh lệch		Ghi chú	
		Số ngày	Tổng số ngày (cộng dồn)	Số ngày	Tổng số ngày (cộng dồn)	Số ngày	Tổng số ngày (cộng dồn)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1	Lập, thẩm định, phê duyệt yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm								
	Lập yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư								- Thời gian: Không có quy định của pháp luật
	Thẩm định yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư								- Thời gian: Văn dụng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP
	Phê duyệt yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm								- Thời gian: Văn dụng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP
2	Đăng tải E-TBMOQT và phát hành yêu cầu về sơ bộ năng lực, kinh nghiệm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia								Thời gian: Quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP

1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	Nộp hồ sơ và đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư							
	Nhà đầu tư chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên HTMDTQG, đồng thời nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (gồm 01 bản gốc và 07 bản sao)	Tối thiểu 30 ngày kể từ ngày đăng tải Thông báo mời quan tâm						- Thời gian: khoản 2 Điều 6 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP - Hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở KHĐT do: Dự án đầu tư có sử dụng đất thường liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực (Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên-Môi trường...), cần phải có ý kiến đánh giá của nhiều Sở, ngành để đảm bảo chất lượng và thuận lợi cho quá trình triển khai
	Đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm	Tối đa 45 ngày						- Thời gian: Vận dụng điểm g Khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu
4	Quyết định việc tổ chức thực hiện dự án	Tối đa 10 ngày						- Thời gian: Vận dụng điểm k Khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu
4.1	Trường hợp có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm							
PA 01	Thông báo và hướng dẫn nhà đầu tư nộp hồ sơ trình chấp thuận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật khác có liên quan theo quy định trường hợp dự án có yêu cầu đẩy nhanh tiến độ							

1	2	3	4	5	6	7	8	9
PA 02	Gia hạn thời gian đăng ký thực hiện dự án							
	Nhà đầu tư chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (<i>Nhà đầu tư đã đáp ứng yêu cầu không phải nộp lại hồ sơ đăng ký thực hiện dự án</i>)	Tối thiểu 30 ngày kể từ ngày đăng tải Thông báo gia hạn						- Thời gian: Vận dụng khoản 2 Điều 6 ND số 25/2020/NĐ-CP
	Đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm	45 ngày						- Thời gian: Vận dụng điểm g Khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu
	Trường hợp có thêm nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện Đấu thầu rộng rãi (Quy trình tại mục 4.2)							
	Trường hợp không có thêm nhà đầu tư đáp ứng sơ bộ năng lực, kinh nghiệm thực hiện thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo Luật Đầu tư (Quy trình tại PA 01)							
4.2	<i>Trường hợp không có nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm</i>							
	Đăng tải Thông báo kết thúc thủ tục công bố danh mục dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Tối đa 07 ngày sau khi phê duyệt						

1	2	3	4	5	6	7	8	9
4.3	Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thực hiện Đấu thầu rộng rãi	Tối đa 07 ngày kể từ ngày được phê duyệt kết quả đánh giá						- Thời gian: Khoản 2 Điều 89 ND số 35/2021/NĐ-CP và khoản 2 Điều 5 ND số 25/2020/NĐ-CP
5	Đăng tải danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu năng lực, kinh nghiệm							
5	Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư (Trường hợp có 02 nhà đầu tư trở lên đáp ứng sơ bộ năng lực, KN)							
5.1	Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư							
	Lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư	Tối đa 30 ngày						- Nội dung: Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP - Thời gian: Không có quy định của pháp luật
	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư	Tối đa 20 ngày						- Nội dung, thời gian: Khoản 1 Điều 6 và Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP
	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư	Tối đa 10 ngày						- Nội dung, thời gian: Khoản 1 Điều 6 và Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP
5.2	Hồ sơ mời thầu							

1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Lập Hồ sơ mời thầu	Tối đa 30 ngày						- Nội dung: Điều 47 và 48 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP - Thời gian: Không có quy định của pháp luật
	Thẩm định Hồ sơ mời thầu	Tối đa 20 ngày						- Nội dung: Điều 49 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 10 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP - Thời gian: Vận dụng điểm h khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu
	Phê duyệt Hồ sơ mời thầu	Tối đa 10 ngày						- Thời gian: Vận dụng điểm i khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu
5.3	Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư							
	Đăng tải Thông báo mời thầu	Tối đa 07 ngày kể từ ngày hồ sơ mời thầu được phê duyệt						- Thời gian: Điểm c khoản 1 Điều 7 TT số 06/2020/TT-BKHĐT và Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT
	Phát hành hồ sơ mời thầu	Phát hành đồng thời với thông báo mời thầu trên HTMDTQG						- Nội dung: Điều 51 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP - Thời gian: Khoản 11 và khoản 3 Điều 89 ND số 35/2021/NĐ-CP
	Chuẩn bị hồ sơ dự thầu	Tối thiểu 60 ngày đối với đấu thầu trong nước, 90 ngày đối với đấu thầu quốc tế, kể từ ngày đầu tiên phát hành HSM T cho đến ngày có thời điểm đóng thầu						- Nội dung: Khoản 6 Điều 6 và khoản 1 Điều 33 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP
	Nộp, tiếp nhận hồ sơ dự thầu							- Nội dung: Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP

TỈNH SƠN LA								
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật	Trong vòng 01 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu						- Nội dung: Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP
5.4	Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và thẩm định, phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng về kỹ thuật	Tối đa 45 ngày kể từ ngày đóng thầu đến ngày bên mời thầu trình chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư						- Nội dung: Điều 52, 53, 54, 55 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12, 13, 14, 15 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-P - Thời gian: Vận dụng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu
5.5	Mở và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại							
5.6	Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư							Nội dung: Khoản 10 Điều 6; khoản 1 Điều 43 và khoản 1 Điều 57 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 16 Điều 89 ND số 35/2021/NĐ-CP
	- Trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Tối đa 05 ngày						- Thời gian: Vận dụng tại điểm h khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu
	- Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Tối đa 20 ngày						- Thời gian: Vận dụng tại điểm k khoản 1 Điều 12 Luật đấu thầu
	- Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Tối đa 10 ngày						- Thời gian: Khoản 2 Điều 5 và khoản 4 Điều 57 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP
	- Đăng tải thông tin kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Không muộn hơn 07 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được phát hành						

1	2	3	4	5	6	7	8	9
	- Gửi thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Không muộn hơn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt						- Nội dung, thời gian: Khoản 2 Điều 5 và khoản 4 Điều 57 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP
	- Đàm phán, hoàn thiện hợp đồng	Không quy định						- Nội dung: Khoản 10 Điều 6; Điều 58 ND số 25/2020/NĐ-CP và khoản 17 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP
	- Ký kết hợp đồng dự án	Không quy định						- Nội dung: Khoản 10 Điều 6; Điều 59 ND số 25/2020/NĐ-CP - Thời gian: Không có quy định của pháp luật
	- Công khai thông tin hợp đồng dự án	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ký kết hợp đồng						- Nội dung, thời gian: Khoản 3 Điều 59 ND số 25/2020/NĐ-CP

Ghi chú: Bên mời thầu có trách nhiệm xác định thời gian thực tế của từng dự án đồng thời với thời điểm trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và so sánh thời gian chênh lệch giữa kế hoạch và thực tế.

